

THI PHÁP NHẬP MON

---

TRAITÉ DE VERSIFICATION ANNAMITE

PAR

THÉ-TAI, TRƯƠNG-MINH-KY

OFFICIER D'ACADÉMIE

Chevalier de l'Annam et du Cambodge

Ancien professeur au collège Chasseloup-Laubat

*Interprète au titre européen*

AU SECRETARIAT DU GOUVERNEMENT DE LA COCHINCHINE



ÉDITION ILLUSTRÉE

---

SAIGON

Imprimerie Commerciale H&C

1898

# THI PHÁP NHẬP MÔN



## TRAITÉ DE VERSIFICATION ANNAMITE

PAR

THÊ-TÀI, TRƯỞNG-MINH-KỶ

OFFICIER D'ACADÉMIE

Chevalier de l'Annam et du Cambodge

Ancien professeur au collège Chasseloup-Laubat

*Interprète au titre européen*

AU SÉCRÉTARIAT DU GOUVERNEMENT DE LA COCHINCHINE



ÉDITION ILLUSTRÉE

---

SAIGON

Imprimerie Commerciale REY.

1898

## DU MÊME AUTEUR

1. Fables de Lafontaine (traduction).....	0.50
2. Télémaque (traduction).....	0.10
3. De Saigon à Paris (Như tây nhật trình).....	0.50
4. Exposition Universelle (Chức quốc thời hội có hình)....	0.50
5. Riche et Pauvre (Phú bần truyện).....	0.10
6. Méthode pour apprendre l'Annamite (Tập dạy học tiếng annam).....	0.20
7. Cours gradué de langue française (Pháp học tân tương).	2.50
8. Cours de chinois (Ấu học khai môn).....	0.20
9. Entretiens sur la Piété filiale (Hiếu kinh điển nghĩa, ba thứ chữ).....	0.20
10. Petite Etude (Tiểu học gia ngôn).....	0.20
11. Morceaux choisis de littérature chinoise (Cổ văn chọn bữu).	0.20
12. Préceptes de morale chinoise (Khuyến hiếu ca).....	0.10
13. Trésor poétique chinois (Ca từ điển nghĩa).....	0.10
14. Tragédie de Joseph (Tuồng Joseph).....	0.10
15. Tragédie de Bá-áp-khảo (Tuồng phong thần Bá-áp-khảo).	0.10
16. Tragédie de Kim-Vân-Kiều (Tuồng Kim-Vân-Kiều, ba thứ)	0.50
17. Syllabaire quốc-ngữ (Văn quốc-ngữ).....	0.05
18. Premières lectures enfantines (Quốc-ngữ sơ giai có hình).	0.10
19. Vingt-quatre actes de Piété filiale (Nhị thập tứ hiếu điển ca).	0.20
20. Traité de versification annamite (Thi pháp nhập môn)....	0.20

---

Các thứ sách kể trên này để bán tại nhà Trương Thè-lài ở Saigon  
Ai muốn mua thì gửi bạc tiền đó, và để tên họ cùng chỗ mình ở  
cho rõ, thì có người gửi sách lại cho chẳng sai.

---

# THI PHÁP NHẬP MÔN

## THI NIÊM BÌNH TRÁC

### Bình khởi:

Bình bình,	trác trác,	trác bình bình,
Trác trác,	bình bình,	trác trác bình,
Trác trác,	bình bình,	bình trác trác,
Bình bình,	trác trác,	trác bình bình.

### Con voi.

Trong loài tâu thú thiết voi thỏ,  
 Khác lợn ngà voi bốn dựng to,  
 Ruộng Thuần xua cày còn dễ tiếng,  
 Nay người thầy lớn gọi ông Bó.



### Trác khởi:

Trác trác,	bình bình,	trác trác bình,
Bình bình,	trác trác,	trác bình bình,
Bình bình,	trác trác,	bình bình trác,
Trác trác,	bình bình,	trác trác bình.

### Con tê.



Đừ lợn loài lầy thú bốn chơn,  
 Da như giáp sắt, mũi như sừng,  
 Ăn gai uống đục, không ưa bóng,  
 Ý mạnh nghìn-ngạn cứ miệc rừng.

### Nhứt, tam, bắt luận:

#### Con dế.



Phận hèn chui-nhủi tháng ngày qua,  
 Dáng-dối đêm hôm tiếng thiết-tha,

Bay nhảy với đời coi thử sức,  
Vui chơi cùng biết đá như gà.

*Con ve.*



Sanh dọc bờ tre dăng-dôi kêu,  
Ngâm phong vịnh nguyệt chồn điển-hiền  
Hiêng sương phủ dạ qua ngày tháng,  
Thiếu-thời còn danh cứu bịnh nhiều.

*Nhì, tữ, lục, phán minh.*

Bình khố:

—	<i>bình</i>	—	<i>trắc</i>	—	<i>bình</i>	—
—	<i>trắc</i>	—	<i>bình</i>	—	<i>trắc</i>	—
—	<i>trắc</i>	—	<i>bình</i>	—	<i>trắc</i>	—
—	<i>bình</i>	—	<i>trắc</i>	—	<i>bình</i>	—



*Chiếc ghe.*

Ghe *thuyền* đi *miền*, chiếc *đi* sông,  
Chèo *lái* bướm *chồn* sấp *nặt* xong,  
Cỡi *sóng* ngược *xuôi* tùy *thê* nước,  
Thẳng *quanh* rộng *hẹp* lượng *theo* dòng.

*Trắc khởi:*

—	trắc	—	bình	—	trắc	—
—	bình	—	trắc	—	bình	—
—	bình	—	trắc	—	bình	—
—	trắc	—	bình	—	trắc	—

*Chiếc tàu.*

Xuôi gió truông buồm tách dặm khơi,  
Trầy sang biển cả nước cũng trôi,  
Giữ leo coi lái theo thớt thề,  
Dong ruổi đường truởng được thành thời



Bình chia ra làm hai giọng: *thượng bình*, *hạ bình*.

1<sup>o</sup> *Thượng bình* là tiếng không đầu.

*Con rùa.*

Trong đám tứ linh đứng thứ ba,  
Ba so tài chậm, chậm sao qua,  
Qua thoi ngàn tuổi còn chưa thát,  
Thát để cho đời để hỏi khoa.



2<sup>o</sup> *Hạ bình* là tiếng có đầu huyền.

*Cái giường.*

Phòng ngủ để giường phải cách thay,  
Mùng che vạc lót thể thần hay,  
Mơ màng tưởng gọi Trấn-đoàn êm,  
Cổ gối mặc mình giấc điệp say.



Trắc chiu ra làm ba giọng: *thượng thanh, khứ thanh, nhập thanh.*

1<sup>o</sup> *Thượng thanh* là tiếng có đầu hồi, đầu ngã.

*Con sáo.*



*Cổ dỏ mỏ dài cẳng* lại cao,  
Đặt tên là *sáo thuở* đời nào,  
Rạch chằm *lân-quần* phóng tôm cá,  
Bất động *xử* liền *khởi* tư lao.

2<sup>o</sup> *Khứ thanh* là tiếng có đầu sắc, đầu nặng, mà không chữ c, ch, p, t, ở sau.

*Con nhện-nhện.*

Bữa *lười* dần-dần, *nhện-nhện* hùm,  
Một mình *trần* giữa thềm *ngồi* thum,  
Muỗi ruồi *vươn* *lời* khôn *phương* thát,  
Động *môi* liền hay *vần* *chỉ* trùm.



3<sup>o</sup> *Nhập thanh* là tiếng có chữ c, ch, p, t, ở sau.



*Bầu nước pha ly.*

*Bầu nước* pha-ly *thầy* *rặc-rông*,  
*Thần* ngoài xem *được* *thần* *trong*,  
*Bọn* như *khó* *đóng* *minh* *trơn* *sạch*,  
*Dè-dặt* *tường*-pha *mới* *đẹp* *lòng*.

## THI CÂU KHỔ ĐỘC.

Chỉ thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, cứ hai trác một bình hay là một trác hai bình luôn, thì khổ khổ độc.



### Cái xe.

*Bình khổi:* Theo đàng quanh thẳng *DẪY* liền xe,  
Cái bánh xây vắn *NGHĨ* ão-le,  
Chông chôi luông công *CON* chũu-chũu,  
Lướt qua buội thầy *BẮT* trời che.

### Cái ghế.

*Trác khổi:* Cái ghế chịu người *THÊ* ã quen,  
Đã quen giúp đỡ *CẢ* sang hèn,  
Sang hèn nương dựa *AI* không chịu,  
Không chịu ngồi yên, *PHẬN* chũu yên.



Chỉ thứ tư như hạ bình, thì thứ bảy phải thượng bình, chỉ thứ tư thượng bình, thì thứ bảy thượng bình, hay là hạ bình mặc ý.

### Cái nhà.



Nhà cửa bày *LÀM* tự thuờ *XUA*,  
Vững lòng cân nặng lại ngăn mưa,  
Chôi trời chông đất day ngang dọc,  
Rộng hẹp thấp *CAO* mặc ý *XA*.



# KHỐI, THỪA, CHUYỀN, HIỆP.

Con  
chuồn-chuồn.



1<sup>o</sup> Khối.

Vì nước sông-pha vượt tới vờ,  
Nhẹ-nhàn bôn cánh thành-thời chơi,  
Trẻ ưa xãng-xít vấy nhau tập,  
Lui tới thung-dung ở giữa trời.

2<sup>o</sup> Thừa.



Con công

Con công tỏ-hộ giọng nghe vang,  
Vẹn-vẻ đầu đuôi sắc rõ-ràng,  
Bán-dạng múa-men coi yếu-diệu,  
Trời cho xinh-tốt phải khoe-khoang.

3<sup>o</sup> chuyền.

Con chó.

Sáng hơi lạnh mát giới nghề săn,  
Được thịt vui lòng để chúng ăn,  
Giữ cửa, đưa gian nghe tiếng sợ,  
Giận-mẻo biêng-nhác thầy nhân răng.



4<sup>o</sup> Hiệp.

Con mèo.

Leo-trèo đệ nhứt, cộp kiền vì,  
Bộ mặt hàm râu thầy phát nghĩ,  
Ai trúa tỏ-vẻ nghe tốt nết,  
Đôi lòng lên-lúc, chuột sáu-bì.



## THI GIA TỪ TẮC

### 1<sup>o</sup> Cú.

#### *Con heo.*

Hắc diện lan quân tục gọi heo,  
Đầu voi đuôi chuột bốn chơn cheo,  
Cứ lo dưỡng vóc, ăn rồi ngủ,  
Ut-ét dầy rần, biết cảm treo.



### 2<sup>o</sup> Tụ.

#### *Con chuột.*



Đừng dẫu con giáp được phần vinh,  
Lẻo-đẻo bấu nan khuấy thàt kinh,  
Thủ vật, cá cơm khôn già mặt,  
Xoi hao mạch nước, sợ mèo rình.

### 3<sup>o</sup> Pháp.

#### *Con chiên.*

Chiên trầu gấm nghĩ thiệt hiển lương,  
Chọc huyết ninh nghe rất thảm thương,  
Để tiếng lông mếm làm nì nhuyễn,  
Nào lo nát thịt với tan xương.



### 4<sup>o</sup> Cách.

#### *Con cọp.*



Ra oai lâm chúa chồn sơn lâm,  
Vào sát mình vàng vẽ vện thâm,  
Vây cánh có không trời đất biết,  
Vỗ cho già-giặng mới tri âm.

---

## THI HỮU THẬP KHOA



1<sup>o</sup> Ý.

*Con cóc.*

Nực đông thiên hạ thẳm gần xa,  
Cóc ở trong hang, cóc nhảy ra,  
Phình bụng nghiên răng trời đất động,  
Tuôn châu rơi lụy chứa-chan óa.

2<sup>o</sup> Thú.

*Con khỉ.*

Nhãn mặt nhãn mày bộ liên hàn,  
Chọc trời khuấy nước đôi theo bản,  
Ai dư công khéo run cây nhác,  
Chẳng tưởng Ngô-không mặc lỵ trần.



3<sup>o</sup> Thán.

*Con quạ.*



Lông cánh mỡ giò cả thảy đen,  
Tiếng kêu quạ-quạ ấy xưng tên,  
Ra công làm ở nười tu-hú,  
Thiệt dạ thi ăn chẳng đợi đến.

4<sup>o</sup> Tinh.

*Con én.*

Đầu tròn mỏ ngắn lưỡi rẻ hai,  
Liện thập bay cao đáp vắn dài,  
Bông lá bột sâu nhờ bụng mềm,  
Bồn phương đầu âm tới lui hoài.



5<sup>o</sup> Khí.

*Con gà.*



Trên đầu như đội mào văn nhân,  
Cổ cựa có oai tử võ thần,  
Với chúng chi sồn như đồng tín,  
Gồm bảy năm đức tới chung thân.

6<sup>o</sup> Lý.

*Con bướm.*

Dung nhan đẹp-dẽ trẻ mè-sa,  
Đáng mặt chơi hoa phải gọi-là,  
Ông rữ hoa khoe đang nở nhụy,  
Vi lòng chuộng sắc hóa sa-đà.



7<sup>o</sup> Lực.

*Con ngỗng.*



Tục kêu con ngỗng, hiệu vinh sinh,  
Huênh-hoảng trơ-trơ tự tánh tình,  
Động-dạng tôi-tâm iêng-ôi tiếng,  
Ồ lên gian-tê hoảng hồn kinh.

8<sup>o</sup> Cảnh.

*Cái ly.*

Cái ly hình dáng chề coi xinh,  
Lớn nhỏ trơn bóng sắc được tình,  
Sánh chén dạ-quang thêm rẻ giá,  
Vui lòng rót rượu mặc tang tình.



9<sup>o</sup> Vật.



*Đồng-hồ.*

Đồng-hồ nước đổ tỵ mưa sa,  
Giờ khắc đêm hôm chỉ thấy qua,  
Máy-móc đời nay thệm chề biền,  
Nhỏ to xét lại khéo hơn xa.

10<sup>o</sup> Sự.

*Con bò.*

Sừng sắt da vàng móng cẳng nai,  
Thái-lao tề lễ, chẳng kêu nài,  
Qua trường động mõ kính hùm sói,  
Lâm ruộng nhường trâu, đừng thừ hai.



## THI HỮU THỂ CHÍ.



*Ông thầy.*

Dọn bài giải sách chỉ lẫn cho,  
Rõ nghĩa cang thường, rõ đạo nho,  
Nầu sừ xôi kinh đều được chín,  
Cùng vì siêng-sáng cả thầy trò.

*Bà thầy.*

Nghĩa trọng ơn sâu thề đất trời,  
Cha sanh mẹ dưỡng được nên người,  
Thái-Nhâm, Vương-Quý gương còn tạc,  
Đạo đức truyền trao để dạy đời.



*Con côi.*

Sanh con ai cũng ước về sau,  
Vẹn giữ thân danh ấy việc đầu,  
Tài cả đức dày đời nhắc nhở,  
Hiền cha vinh mẹ được dài lâu.

*Ông thánh dạy cầm viết.*

Phép cầm ngòi viết cách phương tây,  
Ba ngón kềm dạy cán phía vai,  
Ngón trỏ đè trên liền ngón giữa,  
Một bên ngón cái kẹp cho ngay.



*Con gấu.*

Gấu xem bộ mặt thiệt u-mê,  
Ăn mật say nằm, thấy gớm-ghê,  
Mạnh-mẽ làm chi khi thất thế,  
Bị người mổ mật chẳng kiên dè.



*Con nai.*

Lớn lên có gác, nhảy thành danh,  
Viết-lách bầu xiên, cùng đổ đanh,  
Thầy cọp hay rình nên thủ thê,  
Ăn nơi đông tràng thiệt là lanh.



*Con ngựa.*



Dạng-dĩ xông pha chồn chiên trường,  
Mặt dài có tiếng, chịu yên cương,  
Mượn răng gạt-gặm bầy mưu quỷ,  
Cuồn vó, trâu thua thê phải nhường.

*Con lừa.*

Xuông dốc lên cao chằm-hằm đi,  
Tai dài mặt lớn ngựa nào bì,  
Quá tay ngàn cổ ra ngày đại,  
Có mạnh không khôn chúng chẳng vi.



*Con la.*

Ngựa lừa lai giống gọi là la,  
Giống mẹ, có phần cũng giống cha,  
Thua ngựa khôn ngoan, hơn sức mạnh,  
Chở chuyên đồ nặng lại đi xa,

*Con dê.*



Lớn bụng to lông cứng cò đầu,  
Cỏ rầu, dục cái cũng như nhau,  
Lau-chầu tánh-nét khôn chữa được,  
Tổ-vò xưa chân thắm phát đau.

*Con thỏ.*

Thây bóng sáng trăng, nhây giỡn trăng,  
Nhây qua nhây lại, lại coi chừng,  
Ngủ còn mở mắt, nghi chi quá,  
Nhát tưởng như cheo, sợ chẳng bằng.



*Con cò.*



Xem ra giống dạng hạc phương nam,  
Lông trắng phau-phau, mỏ cẳng thâm,  
Nhơn tiện gập ngao, ngao hoàng kẹp,  
Ngư-ông thừa thê khỏi truy tằm.

*Con kéc.*

Lưỡi dày mỏ quặm, sắc lông tươi,  
Keo-kéc tài hay mượn tiếng người,  
Ông-ông kêu la làm phờ-lờ,  
Mà không biết xét, để trò cười.



*Chim sẻ-sẻ.*



Mình xám rần đen, tiếng sẻ sừng,  
Có ăn nhẩy-nhót ngó coi chừng,  
Theo người nường dựa, theo nhà cửa,  
Tâm-mẩn bỏ qua thầy bụng mưng.

*Con vịt.*

Vịt ưa lặn lội dọc theo sông,  
Tôm cá no lòng đứng rĩa lông,  
Con cây mẹ gà chiu chắc lớn,  
Hình dương đứng cá dòm ngư-ông.





*Con bò câu.*



Tròn-trịa mắt đầu, láng-cuống lông,  
Váy đoan hay liện giữa đồng không,  
Xứng đôi quyền-luyện, ưa thính-tĩnh,  
Ở ở đơn sơ khác ỡ lông.

*Con ong.*

Quán tam tụ ngũ đặng làm ngan,  
Bông tốt nhụy tươi, hút tời tàn,  
Nọc độc, ai nghe không ghét bỏ,  
May nhờ ngọt mật, chúng khôn than.



*Con kiến.*



Lo xa dự trữ cũng đều hay,  
Con kiến mưu-mô đáng mặt thầy,  
Sớm tối phân phiên chuyên vận của,  
Đem về dành để giữ từ ngày.

*Cá voi.*



Biển đục trời mờ nổi gió đông,  
Lên vôi đỏ-sộ giữa minh-mông,  
Ra ơn cứu vớt người lâm nạn,  
Nam-hải tướng quân, sắc tặng phong.



*Cá mập.*

Ngan dọc ngoài khơi trải nắng mưa,  
Chín hàm răng sắt tợ răng cưa,  
Vây vùng oai thê, con người khiếp,  
Lâm tới chằng-va át chằng chừa.



*Con sấu.*

Vây rùa nanh cọp, vóc in rồng,  
Ở lảng & bưng ở dọc sông.  
Hàng-dù làm vãn phân phải quày,  
Chịu lời khôn khéo nói ngh: thông.

*Con cua.*

Trong sông ngoài biển cùg nghin-ngau,  
Giáp ây da đồng, gạch ây gan,  
Ai gọi vô-trường, đưa tám qui,  
Kèn là công-tử, tréo-ngoe càng.



*Con tôm.*



Sông-mũi đường cưa lại có càng,  
Ở sông ở biển lội ngang-ngang,  
Tánh hay búng-ráy, hay co-củ,  
Nhưng được chạo ngon được tiêng vàng.

*Con ếch*

Con ếch bốn chân chẳng mỏ mông,  
Cớ sao bợn rợn gọi gá đồng,  
Lúc nằm đáy giếng than trời hẹp,  
Nhảy khỏi lên rồi thày rộng không.



*Con rắn*



Rắn chia bốn loại cứ nơi sinh,  
Đặt nước cỏ cây vẽ dạng hình,  
Muôn nuốt tới voi, lòng quá sức,  
Ngậm châu đả nghĩa, căm thâm tình.

*Con ốc*

Nghe ra con ốc có nhiều dòng,  
Ở biển ở sông ở miệt giếng,  
Có thứ Xiêm-la lăm bấu nước,  
Đặt ta cũng chuông cũng yêu đùng.



*Con tằm*

Xét tới loài tằm có ích thay,  
Kéo tơ nên ken vãn bao dày,  
Khen ai bầy biển làm ra chỉ,  
Đệt lụa theo hàng, dụng vải may.



*Cái bàn*

Nhiên kiển thợ bần khéo vẽ-viên,  
Theo mẫu theo dáng đặt theo tên,  
Theo hỏi theo lời dùng theo chuyện,  
Cố cái theo chiu gọi bát tiền.



## BÁT CÚ THI NIÊM BÌNH TRÁC.

### Bình khởi :

- |               |            |                 |
|---------------|------------|-----------------|
| 1. Bình bình, | trác trác, | trác bình bình, |
| Trác trác,    | bình bình, | trác trác bình, |
| Trác trác,    | bình bình, | bình trác trác, |
| Bình bình,    | trác trác, | trác bình bình. |
| 2. Bình bình, | trác trác, | bình bình trác, |
| Trác trác,    | bình bình, | trác trác bình, |
| Trác trác,    | bình bình, | bình trác trác. |
| Bình bình,    | trác trác, | trác bình bình. |

*Lời dạy.* — Dạy con nit, thì dạy đọc mấy bài thơ mà thôi, khoan dạy đọc bình trác đã.

Năm 1875, ta làm thầy dạy chữ nho tại trường Bản quốc. (A) hay nhắc chuyện thuở còn thơ ấu, Thấy ta bắt đọc THI NIÊM BÌNH TRÁC cho quen, mà không cắt nghĩa bình trác là gì, cho lên ta thường cắt-cổ đọc như vậy, lại cũng tưởng đầu như vậy :

Bình bình,      rất rất,      rất bình bình,      vân vân.

---

(A) M. Trương-minh-Kỳ, au Collège Indigène (Saigon.)

Saigon, le 10 mars 1875.

Monsieur,

Je vous annonce que, par décision en date de ce jour je vous ai nommé, à compter du 1<sup>er</sup> janvier, professeur de caractères chinois, pour servir sous les ordres de M. le Directeur du Collège Indigène.

Votre solde est fixée à mille quatre cents francs par an.

Le Directeur de l'Intérieur,

PIQUET

---


Bài cũ thị niệm bình trắc theo tuyệt cú, bốn câu dưới như bốn câu  
 trước đây của thứ năm, chữ thứ 5, 6, 7, hệ khởi bình, thì là : bình  
 bình trắc; hệ khởi trắc, thì là : bình trắc trắc.

*Trắc khởi :*

- |    |            |            |                 |
|----|------------|------------|-----------------|
| 1. | Trắc trắc. | bình bình, | trắc trắc bình, |
|    | Bình bình, | tr 𠄎 trắc, | trắc bình bình, |
|    | Bình bình, | trắc trắc. | bình bình trắc, |
|    | Trắc trắc, | bình bình, | trắc trắc bình. |
| 2. | Trắc trắc. | bình bình, | bình trắc trắc, |
|    | Bình bình, | trắc trắc, | trắc bình bình, |
|    | Bình bình, | trắc trắc, | bình bình trắc, |
|    | Trắc trắc, | bình bình, | trắc trắc bình. |

Nhứt, tam bất luận ; nhị, tứ, lục phân minh.

*Bình khởi :*

Giống *chỉ* đồ sộ trước *kia* cả,  
*Con voi.* Chẳng *phải* là *vòi*, cá một gà  
 Mặt lợn lưng *lôm* kê *bồn* dựng  
 *Vòi* *rông* miệng cả *chồi* *hai* ngà ;  
 Tiếng *cày* ruộng *thuần* là *làm* cò,  
 Tục *dặm* mỏ *mơ* *ây* *phà* nhà,  
 Quê *quần* xưa *kia* nơi *tượng* *quần*  
 Cũng là *thỏ* *săn* nước *Xiêm* la.

(*Thơ xưa.*)

*Trắc khởi :*

Sương *tuyết* gọi *NHUẬN* đã *mây* *thu*,  
 Da *ĐEN* mặt *l*, *tiếng* *vũ* *vũ*.  
 Ý *MINH* lúc *láo* *câu* *TRÊN* *sợ*,  
 Hai *chúng* *sơ* *SE* *nọc* *dưới* *khư* ;  
 Châm *chít* *đồ* *MÉN* *khoe* *bực* *trí*,  
 Bực *XOI* *cây* *mực* *tò* *LOÀI* *ngư*,  
 Công *LINH* *chẳng* *nghĩ* *người* *VUN* *quén*,  
 Bông *bí* *nụ* *BẦU* *xúm* *xít* *hư*.

*Con ong.*



(*Thơ xưa.*)

Thơ tám câu thì phân làm tám vế là : Một câu khai, một câu thừa, một cặp trung, một cặp luận, một câu chuyển, một câu kết.

*Con muỗi.*

Muỗi hời ! sanh sao sướng mọi đêu,  
Thiền chi chi nửa hày còn kêu,  
Lâu son các tía hàng lui tới,  
Đa tuyết má đào mặc ấp yêu,  
Béo miệng chàng thương con trẻ dại,  
Cảnh hồng nào tưởng chúng dân nghèo,  
Một mai dầu gặp Vương-hoài-Quốc,  
Sửa tội nhà người ắt chẳng nhiều ! (Thơ xưa.)

Lâm thơ phải giữ theo để, mà chẳng nên phạm để, là trạng luận chẳng được dùng chữ ra nơi để.

*Con qui.*



Trời sanh vật qui gọi kim qui,  
Đất sần giồng linh biệt lễ nghi,  
Nho giáo bốn thiên còn vẹn để,  
Lạc thơ tám quẻ cũng bền ghi,  
Cảnh tiền mên đạo ngày ngày tới,  
Cỏi Phật nghe kinh bữa bữa đi,  
Mặt râu mặc dầu lòng hảo thiện,  
Vóc hên nhưng vậy dạ từ bi. (Thơ xưa.)

Thơ hoặc lấy vận trước, hoặc lấy vận linh. Hồ thơ bốn câu thì ba vận ; mà tám câu thì năm vận. Có khi hạng vận trước, phải làm theo.

Ló mò lo chợ trỏ,  
Bè tre che lệ thể,  
Xô cô vô ở rò,  
Ôi thôi rồi nói xôi,

Dem nem nhem thềm em,  
Thắng ăn mào nhân răng,  
Không chống trông bóng lòng,  
Qua nhà bà già ta.

*Vận trắc :*

Sao bắc ngang trời, đêm muồn sáng,  
Người buồn dựa nguyệt, lòng ngao-ngán,  
Tranh Tán bèn các bông tai vàng,  
Gái Triệu gán nhà dờn tiếng rảng,  
Khúc dứt, mây xanh, tường sắc phai,  
Điệu mau, ngón, ngọc, e sương dạn,  
Thảm trông, then bạc, cửa còn gải,  
Chi bằng chiêm-bao may thấy hẳn.

*Vận bình :*

Sao bắc ngang trời muồn rang đông,  
Người buồn dựa nguyệt ý khôn cùng,  
Tranh Tán, tiếng vàng nghe trên các,  
Gái Triệu, tay dờn rảng dưới cung,  
Khúc dứt mây xanh thương mặt ủ,  
Điệu mau ngón ngọc cầm sương lỏng,  
Tư bề cửa các then còn đóng,  
Mượn giặc chiêm-bao họa thầy không.

Phép thi tám câu, trạng luận thường phải làm liền dôi. — Đòi có sáu thể: 1<sup>o</sup> *chánh-danh*, 2<sup>o</sup> *đồng loại*, 3<sup>o</sup> *liên-châu*, 4<sup>o</sup> *song-thỉnh*, 5<sup>o</sup> *điệp vận*, 6<sup>o</sup> *song ngưng*.

*Thời thể.*

Lớp tàn lớp mọc ngó cho cùng,  
Thời thể xây *vấn* khó biết *hung*,  
Trời đất nỡ chịu tay bạc ác,  
Nước non dễ giận kẻ anh hùng,  
Ra tướng rộng-rải đảng nguy hiểm,  
Tới lối hẹp-hỏi ngã hiệu *trung*,  
Lập thềm quạt sáu ngày thồn-mòn,  
Dứt đi nổi lại nghĩ mà xung.

Thơ bảy chữ phải giữ bình thượng, bình hạ nơi chữ thứ tư với chữ thứ bảy; lại phải giữ bình trắc nơi chữ thứ năm; Trắc để bình, kêu là *phong yếu* là có khúc giữa nở hai đầu; còn bình để trắc, thì kêu là *hạc-tắc* là to khúc giữa, nhỏ hai đầu.

Đại làm cho lâm, đại hườn đại, (*hạc tắc*).  
Khôn có bỏ qua, khôn cùng khôn, (*phong yếu*).

## NGŨ NGÔN LUẬT THỰC.

### Bình khởi :

1. Bình bình,	trắc trắc bình,	2. Bình bình,	bình trắc trắc,
Trắc trắc,	trắc bình bình,	Trắc trắc,	trắc bình bình,
Trắc trắc,	bình bình trắc,	Trắc trắc	bình bình trắc.
Bình bình,	trắc trắc bình;	Bình bình,	trắc trắc bình.

### Trắc khởi :

1. Trắc trắc,	trắc bình bình,	2. Trắc trắc,	bình bình trắc,
Bình bình	trắc trắc bình,	Bình bình,	trắc trắc bình.
Bình bình,	bình trắc trắc,	Bình bình,	bình trắc trắc.
Trắc trắc,	trắc bình bình;	Trắc trắc,	trắc bình bình.

Ngũ ngôn thì niêm bình trắc cũng như thất ngôn bỏ bớt hai tiếng đầu.

1. Hủy hủy! chừ CHA! cao,	2. Suối khấy đờn ri-rít.
Lên cot thừ thể nào,	Chim trò chuyện lảng-xao
Kiến TRẦY xoải trườn hạc,	Mau chơn lui bước xuống.
Bảy mọi bấp trơ mao;	Chờ khởi tiếng tâm pháo!

(Thơ xưa.)



Tuyệt cú thì là thơ bốn câu, phân nửa bài tám câu : hoặc bốn câu trước, hoặc bốn câu sau, hoặc hai câu trên hai câu dưới, tùy ý người làm thơ.

*Cây vông.*

Ghế mắt loài sán cò,                      Riêng buồn phận chú vông,  
Cột rường không đáng mặt,              Thêm bận những gai chông.  
(Thơ xưa.)

Văn chương chuộng liền đôi. Đôi song-quan có hai câu, đôi cách cú là cách một câu, còn đôi hạc-tác thì là cách cả vè.

1. Mât,

*Đôi.* — Còn.

2. Mối son,

*Đôi.* — Mả phân.

3. Người yếu điệu,

*Đôi.* — Kể tư phong :

4. Bén hơi rơm lửa,

*Đôi.* — Động lòng mưa mây.

5. Dã run cây nhất khỉ,

*Đôi.* — Lại vạch lá tìm sâu.

6. Há để bưng tai trộm lạc,

*Đôi.* — Chừa khôn bịt mắt bắt chim.

7. Trăm trận oai linh, đèn dưới gió,

*Đôi.* — Năm năm công nghiệp, bộn ngoài sông.

*Cách cú:* Nẻo tuổi xanh xây gặp bụi hồng,  
Thuyền ngư phứt đũa vào động bích ;

*Đôi.* — Khách má đỏ tăng đeo phận bạc,  
Chỉ nguyệt ông dật lại lầu son.

*Hạc tác:* Nào những thuê nẹp cây xanh, nghe lạc ngựa,  
Thập-thoan bóng dù dạng kiệu,  
Mà than rằng chỉ cả trượng phu ;

*Đôi.* — Đèn lúc bấy ngồi giữ ở ngọc, nhằm tranh người,  
Xon-sao ngoài vòn, trong rèm,  
Lại làm choảnh ngôi sang hoàng đề.

Phép đặt thơ vãn lục bát, thì giữ *nhị tứ lục phân minh* :

— bình — trắc — bình.

Câu tám, chữ thứ sáu thượng bình thì chữ thứ tám phải hạ-bình ;  
chữ thứ sáu hạ-bình, thì chữ thứ tám phải thượng bình.

Cửu-chơn có ở Triệu-kiều,  
Vú dài ba thước, tài cao muôn người ;  
Gặp cơn thảo muội cơ trời,  
Dem thân bỏ liêu theo loài bóng tày.

Câu sáu có mõ đôi, thì chữ thứ hai hoặc trắc hoặc bình ; chữ  
thứ tư có khi cũng dễ bình.

Người quốc sắc, kẻ thiên tài,  
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.  
Tuần trăng khuyết, đĩa dấu bao,  
Mặt mờ-tướng mặt, lòng ngao-ngán lòng.  
Khi nghe hạnh, khi nét người,  
Khi ngấm-ngợi nguyệt, khi cười-cợt hoa.

Câu tám có khi phân hai đoạn, có khi phân ba đoạn.

Bây giờ đất thấp trời cao,  
ân làm sao, nôi làm sao, bây-giờ.  
Tiếc thay, trong giã trắng ngán,  
đèn phong trán, cồng phong trán, như ai.  
Một mình âm-ý canh chấy,  
dĩa dấu vôi, nước mắt đầy, nam canh.  
Sớm khuya khăn mặt lược đầu,  
phận con hầu, giữ con hầu, dâm sai !  
Chùa đầu trông-thầy nẻo xa,  
rành-rành : Chiêu-ân-am, ba chữ bầy.  
Hoa trôi bèo giạt đã đành,  
biết duyên mình, biết phận mình, thê thôi !

Vân chương hay dùng tiếng liên-dối cho êm lời nói :

Nào người phụng chạ loan chung,  
nào người tiếc lục tham hồng là ai?  
Đã không kể đôi người hoai,  
Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương.

(Đầy lựa riêng ít tiếng, sắp theo vần cho dễ đọc).

- Đẹp mặt nở mày, ven mây bán nhận.  
Đỗ quán xiêu đình, thân kinh quý khõe.  
Kết tóc xe tơ, đào thơ liễu yêu.  
Dặm liễu dâng hòe, sương che tuyết chõe.  
10 Hương cũ phần thừa, tâm mưa chãi gió.  
Trách sô than thân, rây lãn mai lựa.  
Đóng cửa gài then, buột yên quây gánh.  
Mưa tạnh gió khoan, xuán lãn thu cức.  
Nhã ngọc phun châu, treo bầu quây niếp.  
20 Gió kếp mưa đơn, non nhơn nước trí.  
Phu quý thế vinh, cha lãn con thảo.  
Cả chận chim lồng, vào lòn ra cõi.  
Tháo củi sỗ lóng, thừa hồng rậm lục.  
Thay bực đổi ngôi, sao đời vật đổi.  
30 Bèo nổi mây chìm, bóng chim tâm cá.  
Bướm rã ong rời, huê cười ngọc thột.  
Lỡ một lãn hai, châu máy ủ mặt.  
Bèo giạt huê trời, phân giới sơn diễm.  
Chó diễm mèo đâng, hoa tường liễu ngổ.  
40 Dày gió dạn sương, ong chường bướm châu.  
Chỉ Tần tợ Tần, khó lãn chà phụng.  
Huê rợn hương bay, thân dài thổ vấn.  
Đổi trắng thay đen, giận duyên tử phận.  
Cười phân cợt son, chán đơn gỏi chích.  
50 Nước biếc non xanh, trăng thanh gió mát.

Vần chương ta hay dụng tiếng trùng-dôi cho êm lời nói:

*Khi ăn khi nói dờ-dang,  
Khi thấy khi tỏ, xem thương xem khinh,  
Sanh càng như dai như ngấy,  
Đot dài dot vắn, chén đầy chén vơi.*

(Đầy lựa ít tiếng làm kiểu).

- 1 Đủ nghề đủ nghiệp, cung kếp cung dào.  
Vui đâu vui óc, bực bực bực nam.  
Đã lăm đã lỡ, làm vợ làm chồng.  
Vào khuôn vào rập, sẵn kếp sẵn trăng.  
10 Té tiền té bạc, đổi bực đổi ngôi.  
Hết hơi hết sức, ngó quắt ngó quanh.  
Dị hình dị dạng, mồi căng mồi chơn.  
Lo hơn lo thiệt, hết sách hết vờ.  
Và tỏ và thấy, cạo mày cạo mặt.  
20 Bá vật bá vợ, cớ bơ cớ bực.

Phép đặt vịnh ngâm thì là một cặp đôi bảy chữ, kẻ một cặp vắn sáu tám. — Cặp đôi giữ *tam ngữ thất phần minh*.

— — *trác,* — *bình* — *trác,*  
— — *bình,* — *trác* — *bình.*

Chìm đáy nước, cá lơ-đờ lặn,  
Liện da trời, nhận ngân-ngọc sa.  
Hương trời đậm nguyệt say hoa,  
Tây-thi mất vôi, Hằng-nga giết mình.

Cặp đôi lấy vắn nơi chữ thứ bảy trên với chữ thứ năm dưới. — Có khi lấy vắn tại chữ thứ ba.

Chín lần gươm báu chông tay,  
Nửa đêm truyền bịch định ngày xuất chinh.  
Nước thanh bình, ba trăm năm cũ,  
Aó nhung trao quan vũ từ đây.

Văn chương ta phân làm nhiều loại: *Phủ, văn, thơ, tế, giã; chiến, biên, luận, minh, bi; truyện, thuyết, nguyên, biến, khúc; sớ, luận, chám, tụng, ký.* — Thi ngữ ngôn, thất ngôn lại phân làm *trường thiên, đoản thiên*; lại có thi *trường đoản cú*, lại phân làm: *Cổ, tề, dân, khúc, ngâm*; v.v.

TRINH CÔNG AN-TUYÊN HẦU, LIÊN HUỖN THI.

1. Vuông tròn trời đất nói khôn cùng,  
Tháng bảy ngày rằm tới Quảng-đồng,  
Kẹo kéo lằng-nhằng nhai chưa dứt,  
Tơ vò rối-rắm gỡ hầu xong,  
Nửa năm rượu thịt, đôi quan khách,  
Ngân dậm non sông, một chiếc đồng, (1)  
Chờ gặp cò nhơn, bảy khoản khúc,  
Kẻ đây thương đó, đó người trông.
2. Người trông nên phải gần chiu lớn,  
Tháng tí ngày dần tới Úc-môn,  
Ngân trượng ơ sâu lai-lãng biển,  
Muôn trùng nghĩa nặng chạp-chống non,  
Dưới trời ai kẻ không tôi chúa,  
Trên đất mây người chẳng vợ con,  
Đố-sộ vật chi, xem hời đó,  
Chàng sau chẳng trước chàng đen môn.
3. Đen môn sao đặng nghĩa cùng ta,  
Năn nỉ sớm khuya việc cửa nhà,  
Í sông xưa nay, người bảy chục,  
Nhiều lo lui tôi, đạo năm ba,  
Trăng tròn mặt ủ, mây chưa vén,  
Biển mặn lòng thương, nước khó pha,  
Cậy có Diên-quang soi tỏ dạ,  
Đề đầu chẳng biết vậy nhưng là.

(1) Chiếc đồng hay là mỏng đồng, là chiến thuyền, là tàu trận.

4. Nhưng là muôn mớ nẻo chông gai,  
Chi quán đường xa mây dặm dài,  
Dưới nguyệt ham vui nên chước chén,  
Trong sương chịu lạnh đặng tấm mai,  
Đã cam mình phải cây vô dụng,  
Chớ nại người chê dứa bất tài,  
Nghĩ kẻ ba trăm năm có lẽ,  
Xin đừng nài-nỉ chuyện nay mai.
5. Nay mai còn có chỗ chưa tường,  
Cách bạn xa-xuôi mây tháng trường,  
Đường nọ phải chăng còn lộn-lạc,  
Việc nầy khôn đại hầy lương-trương,  
Chanh-ranh bởi đó sao lằng-liền,  
Mắt-mỏ vì ai khéo vắn-vương,  
Trình với bao nhiêu người quyền thức,  
Đam lòng quân tử mặc lo lường.
6. Lo lường lại giận nỗi con cua,  
Tướng dên càng thêm sự đầu đưa,  
Mây mịt-mù che trời nhớ bạn,  
Nước minh-mông dấy biển trông vua,  
Đi cò thê đó tay không thắp,  
Đêm dật dăng nấy cuộc chàng thua,  
Cho rõ làm người thì phải vậy,  
Dè mò chẳng biết một bản lừa.
7. Một bản lừa sạch đũa hoang hung,  
Phong cảnh như vấy phi luồng trông,  
Đoi vịnh năm ba thuyền đổ liêu,  
Bên non bảy tám hạc về từng,  
Vật còn chút biết trời khuya sớm,  
Người dè không hay đất lạnh-lung,  
Liều thầy chín trũng chưa khòe gỏi,  
Dám đầu mình chịu phạt thung-dung.

8. Thung-dung theo thê ít ai bì,  
Mượn mỏ làm vui dễ khó chi,  
Thu hứng tám bài thi Đỗ phủ,  
Đồng ngâm một bức họa Vương-duy,  
Cấm xan chong phiếm thương tri kỉ,  
Cờ sắp thừa con học chỉnh sư,  
Nhớ đó thời thời người dễ dặng,  
Thời người dễ dặng khó chi chi.
9. Chi chi nghe đèn, tâm lòng xiêu,  
Chấp nôi Ti-bà hoán bấy nhiều,  
Riêng trách chằng vàng, tay vẽ tượng,  
Thảm than không bạc, mặt mua yêu,  
Đất Hồ huê ủ máu khôn lợt,  
Trời Hán trắng tròn bóng xê theo,  
Bao quần ngọc quang, tình mây dậm,  
Mây sâu gió thảm buổi ban chiều.
10. Ban chiều bên núi bóng cờ đưa,  
Tiết nghĩa năm ba hãy đợi chờ,  
Lô thầy ác vàng, lòng có Hán,  
Liêc xem tuyết bạc, mắt không Hồ,  
Chông sừng một cán, cờ ngay thẳng,  
Trãi gió năm canh, dạ phật-phơ,  
Vói hỏi xanh xanh kia biết chằng,  
Ngày nào về dặng nước nhà xưa.
11. Nước nhà xưa có phụ chi ai,  
Nhấn với bao nhiêu kẻ côi ngoài,  
Gán sức đời non khoan nói tu ông,  
Trãi lòng nằng vạc mới rằng trai,  
Nặng sừng chưa đội trời chung một,  
Sông núi đứng cho đất rẽ hai,  
Giúp cuộc Vô Thang thêm trí lực,  
Người còn để tiếng nước lâu dài.

12. Lâu dài mong trả nợ quán thân,  
Bao quản đường xa gánh nặng hoàng,  
Chíp lụy anh hùng khi tác biệt,  
Bày linh trung nghĩa đạo vì thân,  
Con ve mây chấp, hơi kêu hạ,  
Đỏ vủ năm canh, tiếng khóc xuân,  
Gió thấm mưa sầu đang đập-dã,  
Bút huê mượn chép sự khùng khăng.
13. Khùng khăng lại tưởng chuyện lăng-nhăng,  
Tội chớp mai mưa gấm chàng-bằng,  
Bên nước mười hai đũa chiếc lá,  
Đặt trời ba bảy đọi con trăng,  
Thương dầy lại dặn đừng thương lãng,  
Nhớ đó thời thôi chớ nhớ xằng,  
Mỗi nợ dầy dươn, ai có hỏi,  
Xưa nay cùng một tâm lòng chẳng.
14. Tâm lòng chẳng phải, phải phân trần,  
Ít nói ấy người dưỡng tánh chân,  
Đã bện bố-nhìn làm đũa quì,  
Lại trau cục đá tượng ông thần,  
Đầu chưa nước phân tỏ gương mặt,  
Sẵn có cây da cây tâm thảo,  
Cùng muốn đem mình theo thể ấy,  
Đem mình theo thể ấy bán thân.
15. Bán thân phát giận đũa xung-xăng,  
Quán Sở lâu Tấn đã mây trắng,  
Phối-phối mưa xuân, hang dề lập,  
Chan-chan nắng hạ, lửa đương hồng,  
Thu trao thơ nhạt, lời no âm,  
Đồng gặp tin mai, chuyện khó-khàn,  
Trời đất bốn phương non nước đỏ,  
Lâm chỉ nên nổi tới lăng-nhăng.



16. Lãng-nhàng bờ diệp cùng hoang-dàng,  
Tiệc ngọc thuyền huê, hạn đài-dâng,  
Than phận linh-đỉnh, đảo lặc-lở,  
Trách tình lạc-lẻo, liễu lãng-quảng,  
Cơn trăng nhán bóng, cây mai bạc,  
Đi gió đưa duyên, dóa cúc vàng,  
Ơn dội chúa xuân, cơn gặp-gỡ,  
Canh tàn mộng tưng, dăm mê-mang !
17. Mê-mang cho đến bực là tiên,  
Năm đầu năm bãi già dạng diên,  
Vui sẵn trước huê vài đóa cúc,  
Lo chi trong đày mây đồng tiền,  
Lưu-linh, vợ lạy, không rời chén,  
Lý-bạch, vua kêu, chàng nói thuyền,  
Hầu muốn học đòi theo thể ấy,  
Song lo thời thể háy chưa yên.
18. Chưa yên ta phải tính làm sao,  
Cơm áo ngồi không dè dặng nào,  
Đã cậy binh sương trừ giặc cò,  
Lại bày trận gió phất cờ lau,  
Đạt an cõi Việt, rừng nho rậm,  
Trời giúp nhà Ngụ, biển thánh cao,  
Mới rõ tài non đến nợ nước,  
Dám đầu tướng chuyện ản nguồn đào.

CHUNG

